



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

**NGHĨA VỤ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ
NỘI QUY LAO ĐỘNG (CĂN CỨ
ĐIỀU 118, 119, 120, 121
BLLĐ 2019)**

**GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC GIẢI
QUYẾT VỀ CÁC VỤ VIỆC DÂN
SỰ, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN
DÂN TỐI CAO (MỚI NHẤT)**

**BỎ SỔ HỘ KHẨU, SỔ TẠM TRÚ
– DÙNG GÌ THAY THẾ?**

**PHÁT HÀNH BỞI LAC DUY & ASSOCIATES
LIÊN HỆ CHÚNG TÔI**

🌐 : <http://lacduy-associates.com>

✉ : lacduy@lacduy-associates.com

☎ : +84917275572/+842836221603

**📍 : Phòng 603, Tầng 6, Tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn
Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM**



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

Quý khách hàng thân mến,

Lac Duy & Associates trân trọng được gửi tới quý khách hàng Bản tin pháp luật của tháng 02 năm 2023 với một số điểm tin và bài viết đáng chú ý như sau:

- Giải đáp vướng mắc giải quyết về các vụ việc dân sự, hôn nhân, gia đình của viện kiểm sát nhân dân tối cao (mới nhất)
- Nghĩa vụ, thủ tục đăng ký Nội quy Lao động (Căn cứ điều 118, 119, 120, 121 BLLĐ 2019)
- Bỏ sổ hộ khẩu, sổ tạm trú – Dùng gì thay thế?
- Cập nhật Văn bản Pháp luật tháng 02/2023





BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC GIẢI QUYẾT VỀ CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ, HÔN NHÂN, GIA ĐÌNH CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO (MỚI NHẤT)

Mới đây Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 443/VKSTC-V9 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc giải đáp vướng mắc về các vụ việc dân sự, hôn nhân, gia đình nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc về nghiệp vụ trong công tác kiểm sát. Qua tổng hợp và lựa chọn, sau đây là một số vấn đề tiêu biểu cần lưu ý:

1. Vướng mắc về án phí, nghĩa vụ án phí phúc thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án dân sự

1.1. Hai luồng quan điểm về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn phần đất do bị đơn lấn chiếm của nguyên đơn

- **Viện kiểm sát cho rằng: Tòa án không cần thiết phải định giá tài sản này** vì các đương sự chỉ tranh chấp về quyền sử dụng đất mà không liên quan đến giá trị đất. Theo đó, chi tính án phí dân sự không có giá ngạch theo khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (“**Nghị Quyết 326/2016**”);

- **Tòa án cho rằng: Tòa án căn cứ vào việc tòa án có tiến hành định giá tài sản** nên được coi là “*Tòa án phải xác định giá trị tài sản*” theo điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 để buộc đương sự chịu án phí có giá ngạch.



Hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016, theo đó việc Tòa án tiến hành định giá tài sản không phải là căn cứ để xác định đương sự phải chịu án phí có giá ngạch hay không có giá ngạch. Việc xác định đương sự phải chịu án phí như thế nào phụ thuộc vào mục đích sử dụng kết quả định giá của Tòa án. **Nếu Tòa án phải sử dụng kết quả định giá để xác định được quyền sử dụng đất theo phần thì đối định**



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 02/2023

được quyền sử dụng đất theo phần thì với phần giá trị mà mình được hưởng. Nếu Tòa án chỉ xác định quyền sử dụng đất thuộc về ai, không phải sử dụng kết quả định giá để xác định thì đương sự chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

1.2. Vướng mắc về nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm trong trường hợp nhiều đương sự cùng kháng cáo cùng một nội dung.

Hiện tại pháp luật không có quy định về việc tính án phí phúc thẩm trong trường hợp có nhiều người kháng cáo cùng một nội dung. Theo đó, căn cứ tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS và khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016, thì nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm được tính riêng cho từng người kháng cáo, không phân biệt họ kháng cáo cùng nội dung hay khác nội dung.

1.3. Hai luồng quan điểm về cách tính phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong trường hợp Tòa án chấp nhận một phần của yêu cầu khởi kiện.

- **Quan điểm thứ nhất cho rằng:** Trường hợp Tòa án chấp nhận (dù một phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nhưng vẫn cùng trong một yêu cầu về tranh chấp) nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, đo đạc.

- **Quan điểm thứ hai cho rằng:** Nguyên đơn phải chịu một phần chi phí thẩm định, đo đạc đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

Hiện tại pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể trường hợp Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ của đương sự được xác định như thế nào. Tuy nhiên, tham khảo quy định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định theo Khoản 1 Điều 161 BLTTDS và tham khảo quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm tại khoản 1 và 4 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016, có thể rút ra nguyên tắc xác định nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, đo đạc trong trường hợp này là **Nguyên đơn phải chịu chi phí**





BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 02/2023

thẩm định, do đặc cho phần yêu cầu không được chấp nhận của mình và Bị đơn sẽ chịu chi phí thẩm định, do đặc cho phần yêu cầu được chấp nhận của Nguyên đơn.

2. **Vướng mắc về thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay*”** là kể từ ngày hết hạn hợp đồng hay kể từ ngày hai bên có thỏa thuận mới về thời hạn trả nợ

Căn cứ quy định của pháp luật dân sự, thời hiệu khởi kiện sẽ không áp dụng đối với yêu cầu trả phần tiền nợ gốc và thời hiệu khởi kiện đối với tiền lãi là 03 năm. Theo đó, trường hợp các đương sự gặp nhau, thừa nhận nợ và đưa ra phương án trả nợ sau khi hết hạn hợp đồng vay có thể hiểu là các đương sự đã đồng ý gia hạn khoản nợ đó và có thỏa thuận mới về thời hạn trả nợ. Do đó, thời hạn 03 năm sẽ được tính từ ngày hai bên có thỏa thuận mới về thời hạn trả nợ.

3. **Vướng mắc về việc có nên hủy hợp đồng đặt cọc trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”** khi một bên đã đưa cọc nhưng bên còn lại không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Có hai luồng quan điểm như sau:

- **Quan điểm thứ nhất:** do một bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc nên Tòa án căn cứ Điều 423 và 427 BLDS để hủy hợp đồng đặt cọc và phạt cọc đối với bên vi phạm.
- **Quan điểm thứ hai:** phải xác định hợp đồng có hiệu lực, không hủy hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng thì phải chịu các chế tài như đã thỏa thuận trong hợp đồng.



Hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

Vì một bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng dẫn đến không thể giao kết được hợp đồng, đây là căn cứ hủy bỏ hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều 423 BLDS, ngoài ra căn cứ tại khoản 1 và 2 Điều 427 BLDS Tòa án có thể tuyên hủy hợp đồng đặt cọc và bên vi phạm phải trả lại cọc cho bên còn lại và chịu phạt cọc. Vì vậy, nếu Tòa án không hủy hợp đồng thì sẽ không đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bên còn lại vì trường hợp nếu tiếp tục thực



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

hiện hợp đồng thì bên còn lại không đạt được mục đích, trong khi vẫn chịu thiệt hại do tiền đặt cọc đã giao cho bên vi phạm hợp đồng.

4. **Vướng mắc về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu**

Căn cứ Điều 131 BLDS và hướng dẫn tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 04 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án có nghĩa vụ phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, việc giải thích phải được ghi vào biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án... Trường hợp Tòa án đã giải thích nhưng tất cả đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không phải giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Trường hợp Tòa án chỉ hỏi mà không giải thích rõ cho các đương sự về hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu, không lập biên bản xác định rõ yêu cầu của các đương sự là thiếu sót, vi phạm quy định nêu trên.





BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 02/2023

NGHĨA VỤ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NỘI QUY LAO ĐỘNG (CĂN CỨ ĐIỀU 118, 119, 120, 121 BLLĐ 2019)

1. NGHĨA VỤ



1. Người sử dụng lao động phải ban hành nội quy lao động, nếu sử dụng từ 10 người lao động trở lên thì nội quy lao động phải bằng văn bản.
2. Người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên phải đăng ký nội quy lao động tại cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động đăng ký kinh doanh.



2. CHUẨN BỊ HỒ SƠ

Hồ sơ đăng ký nội quy lao động bao gồm:

1. Văn bản đề nghị đăng ký nội quy lao động;
2. Nội quy lao động;
3. Văn bản góp ý của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở;
4. Các văn bản của người sử dụng lao động có quy định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu có).

3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC



1. Nội quy lao động sau khi ban hành phải được gửi đến từng tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và thông báo đến toàn bộ người lao động, đồng thời niêm yết nội dung chính ở những nơi cần thiết tại nơi làm việc.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành nội quy lao động, người sử dụng lao động phải nộp hồ sơ đăng ký nội quy lao động.
3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký nội quy lao động, nếu nội dung nội quy lao động có quy định trái với pháp luật thì cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo, hướng dẫn người sử dụng lao động sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại.
4. Nội quy lao động có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký nội quy lao động.



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

BỎ SỔ HỘ KHẨU, SỔ TẠM TRÚ – DÙNG GÌ THAY THẾ?

Theo quy định của Luật cư trú năm 2020, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 sổ hộ khẩu, sổ tạm trú sẽ không còn sử dụng. Cụ thể tại Khoản 3 Điều 38 Luật Cư trú năm 2020 quy định như sau:

“Điều khoản thi hành

...

3. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật này cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.”

Vậy, khi thực hiện các thủ tục hành chính yêu cầu sổ hộ khẩu, người dân sẽ phải dùng gì để thay thế? Để trả lời cho câu hỏi này, vào ngày 21 tháng 12 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 104/2022/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 để sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (“**Nghị Định 104/2022**”). Theo đó, Nghị Định 104/2022 đã quy định 04 loại giấy tờ chứng minh nơi cư trú dùng thay thế sổ hộ khẩu, cụ thể:

1. Thẻ Căn cước công dân;
2. Chứng minh nhân dân;
3. Giấy xác nhận thông tin về cư trú;
4. Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đối với giấy xác nhận thông tin về cư trú, theo Điều 17 Thông tư 55/2021/TT-BCA, công dân có quyền yêu cầu cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú theo 2 cách:

- **Cách 1:** Trực tiếp đến Công an cấp xã hoặc Công an cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã để đề nghị cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú.





BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 02/2023

- **Cách 2:** Gửi yêu cầu xác nhận thông tin cư trú thông qua Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú, Cổng dịch vụ công quốc gia.

Thủ tục và hồ sơ xin xác nhận thông tin cư trú thực hiện tương đối đơn giản, bao gồm các bước sau:

- **Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ là Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01) ban hành kèm theo Thông tư 56/2021/TT-BCA.
- **Bước 2:** Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã để thực hiện thủ tục xác nhận cư trú hoặc gửi qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú.
- **Bước 3:** Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ; và hẹn trả kết quả cho người đăng ký. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng chưa đủ hồ sơ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện; và cấp Phiếu hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho người đăng ký. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối; và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho người đăng ký.
- **Bước 4:** Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết (*trong thời hạn 01 ngày làm việc với trường hợp thông tin có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và trong thời hạn 03 ngày làm việc với trường hợp cần xác minh*).



LAC DUY & ASSOCIATES

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

SỐ	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN VĂN BẢN
----	---------------	-------------

ĐẦU TƯ

1.	02/02/2023	Nghị quyết 09/NQ-CP năm 2023 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong gia đoạn mới do Chính phủ ban hành
2.	03/02/2023	Công văn 688/BKHĐT-ĐTNN năm 2023 về báo cáo tình hình thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư năm 2022 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành
3.	06/02/2023	Nghị quyết 11/NQ-CP năm 2023 về hạn mức bảo lãnh Chính phủ và hạn mức vay về cho vay lại do Chính phủ ban hành
4.	06/02/2023	Quyết định 51/QĐ-TTg năm 2023 bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2022 cho Bộ Giao thông Vận tải do Thủ tướng Chính phủ ban hành

THƯƠNG MẠI

5.	03/02/2023	Quyết định 02/2023/QĐ-TTg về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân do Thủ tướng Chính phủ ban hành
----	------------	--

XUẤT NHẬP KHẨU

6.	30/1/2023	Công văn 401/BCT-KHCN năm 2023 về nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng theo Điều 9 Quyết định 18/2019/QĐ-TTg do Bộ Công thương ban hành
----	-----------	---

TIỀN TỆ NGÂN HÀNG

7.	30/01/2023	Quyết định 127/QĐ-NHNN năm 2023 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2022
----	------------	---



BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 02/2023

LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG

1.	30/01/2023	Công văn 388/BCT-ATMT hướng dẫn triển khai tháng hành động về an toàn vệ lao động năm 2023 do Bộ Công thương ban hành
2.	15/02/2023	Nghị định 05/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập